

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lê Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiên	Trưởng Ban
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lê Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trầm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập ở trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017



Số tham chiếu: 60752643/19356738-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.079.177.427.413	3.769.576.446.736
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.709.512.997.298	1.252.486.574.658
111	1. Tiền		338.512.997.298	61.483.066.364
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.371.000.000.000	1.191.003.508.294
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	650.398.868.501	653.503.729.901
121	1. Chứng khoán kinh doanh		401.120.064	3.949.434.564
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.251.563)	(445.704.663)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		650.000.000.000	650.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	668.557.687.777	1.801.121.232.343
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		328.998.973.416	327.798.321.979
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		21.593.713.984	2.719.043.258
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		321.444.273.977	1.474.094.178.784
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.479.273.600)	(11.490.311.678)
140	IV. Hàng tồn kho	6	511.061.030	10.165.815.465
141	1. Hàng tồn kho		1.599.600.831	17.251.082.258
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.088.539.801)	(7.085.266.793)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.196.812.807	52.299.094.369
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.011.278.326	4.273.429.195
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		49.123.459.231	47.963.589.924
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	62.075.250	62.075.250
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.597.549.210.336	3.521.648.075.094
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	111.420.375.922	26.634.617.362
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		18.454.707.562	18.454.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		92.965.668.360	8.179.909.800
220	II. Tài sản cố định		71.486.552.673	64.784.230.775
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	53.171.489.706	44.250.676.405
222	Nguyên giá		93.531.570.800	79.281.969.527
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.360.081.094)	(35.031.293.122)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	18.315.062.967	20.533.554.370
228	Nguyên giá		40.301.011.821	40.301.011.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.985.948.854)	(19.767.457.451)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.917.666.600	5.270.506.600
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.917.666.600	5.270.506.600
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	4.353.818.234.339	3.355.978.919.712
251	1. Đầu tư vào các công ty con		3.311.874.440.867	1.890.624.803.969
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		1.089.500.000.000	1.511.005.599.984
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(47.556.206.528)	(45.651.484.241)
260	V. Tài sản dài hạn khác		54.906.380.802	68.979.800.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	47.480.156.268	49.905.359.348
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	7.426.224.534	19.074.441.297
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.676.726.637.749	7.291.224.521.830

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.547.779.428.909	1.642.361.598.365
310	I. Nợ ngắn hạn		749.015.140.587	845.788.794.543
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	500.133.657	50.134.371.255
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		60.000.000	4.888.805.254
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	115.478.482.452	76.680.167.741
314	4. Phải trả người lao động		2.865.416.572	6.416.070.220
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	18.908.383.226	77.833.462.918
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	666.666.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	272.293.781.840	128.884.064.020
320	8. Vay ngắn hạn	16	337.240.942.000	497.954.035.628
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.668.000.840	2.331.150.840
330	II. Nợ dài hạn		798.764.288.322	796.572.803.822
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.943.298.000	268.884.000
338	2. Vay dài hạn	16	792.707.254.822	791.639.780.822
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		4.113.735.500	4.664.139.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.128.947.208.840	5.648.862.923.465
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	6.128.947.208.840	5.648.862.923.465
411	1. Vốn cổ phần		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.192.083.261.700	3.192.083.261.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.959.478.509.838)	(1.959.478.509.838)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.162.916.267	51.162.916.267
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	16.135.952.841
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.262.509.617.870	1.782.425.332.495
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.782.425.332.495	811.422.346.370
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		480.084.285.375	971.002.986.125
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.676.726.637.749	7.291.224.521.830

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lê Nguyễn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	42.335.197.167	213.264.191.468
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(903.715)	(2.013.824.544)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	18.1	42.334.293.452	211.250.366.924
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(34.942.437.518)	(162.507.919.220)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		7.391.855.934	48.742.447.704
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	736.249.443.993	62.670.610.602
22	7. Chi phí tài chính	20	(54.258.396.189)	(8.280.870.831)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(51.622.174.342)	(4.744.441.755)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(10.699.794.568)	(46.080.533.032)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(75.706.135.478)	(74.413.677.333)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		602.976.973.692	(17.362.022.890)
31	11. Thu nhập khác	23	5.181.545.546	36.106.809.652
32	12. Chi phí khác	23	(2.313.973.350)	(2.430.075.290)
40	13. Lợi nhuận khác	23	2.867.572.196	33.676.734.362
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		605.844.545.888	16.314.711.472
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(114.112.043.750)	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.1	(11.648.216.763)	(7.442.113.703)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		480.084.285.375	8.872.597.769

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		605.844.545.888	16.314.711.472
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		8.110.649.379	7.089.979.424
03	(Hoàn nhập dự phòng)			
	các khoản dự phòng		(5.096.899.383)	5.007.856.120
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(624.109.823)	1.810.437.873
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(733.969.686.049)	(60.575.133.617)
06	Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ và chi phí lãi vay		52.689.648.342	4.744.441.755
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(73.045.851.646)	(25.607.706.973)
09	Tăng các khoản phải thu		(24.281.810.999)	(128.727.201.528)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		15.651.481.427	(2.094.979.329)
11	Giảm các khoản phải trả		(70.851.465.483)	(155.295.464.172)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		5.123.983.945	(1.376.241.782)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		3.548.314.500	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.942.016.187)	(4.356.495.323)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(663.150.000)	(8.441.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(195.460.514.443)	(325.899.689.107)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(14.896.761.273)	(39.083.323.182)
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(50.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	20.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.113.373.957.814)	(72.595.000.000)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.975.483.520.765	8.456.154.048
	Thuế TNDN đã nộp trên lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào công ty con	13	(71.149.996.332)	(857.762.085.703)
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.799.006.537	142.201.380.374
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		813.861.811.883	(848.782.874.463)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	17.1	-	(831.373.476)
33	Tiền vay nhận được	16	104.040.051.122	386.687.030.142
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(264.753.144.750)	(93.036.749.767)
36	Cổ tức đã trả	17.4	(678.043.680)	(205.674.483.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(161.391.137.308)	87.144.423.149
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		457.010.160.132	(1.087.538.140.421)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	1.252.486.574.658	1.115.564.192.418
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		16.262.508	(5.437.873)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.709.512.997.298	28.020.614.124

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 112 (31 tháng 12 năm 2016 là: 132).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 42 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	157.727.626	9.907.920
Tiền gửi ngân hàng	338.355.269.672	61.473.158.444
Các khoản tương đương tiền	1.371.000.000.000	1.191.003.508.297
TỔNG CỘNG	1.709.512.997.298	1.252.486.574.658

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 5,1% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	328.998.973.416	327.798.321.979
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	328.996.454.017	327.774.366.385
Phải thu từ khách hàng khác	2.519.399	23.955.594
Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.593.713.984	2.719.043.258
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	20.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	1.593.713.984	2.719.043.258
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	321.444.273.977	1.474.094.178.784
Trong đó:		
Tạm ứng để đầu tư vào cổ phần mục tiêu (*)	215.638.400.000	852.000.000.000
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	45.280.000.000	112.675.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	23.359.444.444	14.552.777.780
Đặt cọc để góp vốn đầu tư (**)	20.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	12.432.610.453	-
Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex	-	480.746.591.000
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư	-	8.857.022.417
Các khoản khác	4.733.819.080	5.262.787.587
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	216.359.118.433	1.222.639.391.000
Các bên khác	105.085.155.544	251.454.787.784
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.479.273.600)	(11.490.311.678)
GIÁ TRỊ THUẦN	668.557.687.777	1.801.121.232.343

(*) Số dư này thể hiện khoản tiền tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDS") để mua các cổ phần mục tiêu.

(**) Số dư này thể hiện khoản tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (Tập đoàn Dabaco) để mua 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco), tương đương 100.000.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 2206/2017/HĐCN ngày 23 tháng 6 năm 2017. Công ty đã thanh toán phần còn lại là 80.000.000.000 VND cho Tập đoàn Dabaco vào ngày 4 tháng 7 năm 2017. Vào ngày 5 tháng 7 năm 2017, Công ty đã trở thành cổ đông sở hữu 50% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	11.490.311.678	22.761.368.994
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	18.299.684.717
Sử dụng và hoàn nhập trong kỳ	(11.038.078)	(14.761.368.994)
Số cuối kỳ	<u>11.479.273.600</u>	<u>26.299.684.717</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	1.089.373.304	12.487.805.299
Công cụ, dụng cụ	505.278.304	1.506.892.860
Hàng hóa	<u>4.949.223</u>	<u>3.256.384.099</u>
TỔNG CỘNG	1.599.600.831	17.251.082.258
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.088.539.801)</u>	<u>(7.085.266.793)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>511.061.030</u>	<u>10.165.815.465</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	7.085.266.793	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	<u>(5.996.726.992)</u>	-
Số cuối kỳ	<u>1.088.539.801</u>	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	18.454.707.562	18.454.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	84.785.758.560	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	<u>8.179.909.800</u>	<u>8.179.909.800</u>
TỔNG CỘNG	<u>111.420.375.922</u>	<u>26.634.617.362</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	VND
Nguyên giá						
31 tháng 12 năm 2016	3.353.396.944	861.279.274	64.620.755.184	10.446.538.125	79.281.969.527	
Mua mới trong kỳ	-	-	14.191.510.364	58.090.909	14.249.601.273	
30 tháng 6 năm 2017	3.353.396.944	861.279.274	78.812.265.548	10.504.629.034	93.531.570.800	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	326.604.975	3.827.720.910	745.603.851	4.899.929.736	
Giá trị hao mòn lũy kế						
31 tháng 12 năm 2016	1.990.563.906	370.298.268	28.447.884.968	4.222.545.980	35.031.293.122	
Khấu hao trong kỳ	199.619.225	58.411.556	4.020.658.370	1.050.098.821	5.328.787.972	
30 tháng 6 năm 2017	2.190.183.131	428.709.824	32.468.543.338	5.272.644.801	40.360.081.094	
Giá trị còn lại						
31 tháng 12 năm 2016	1.362.833.038	490.981.006	36.172.870.216	6.223.992.145	44.250.676.405	
30 tháng 6 năm 2017	1.163.213.813	432.569.450	46.343.722.210	5.231.984.233	53.171.489.706	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá

31 tháng 12 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2017 40.301.011.821

Trong đó:

Đã hao mòn hết 30.900.000

Giá trị hao mòn lũy kế

31 tháng 12 năm 2016 19.767.457.451

Hao mòn trong kỳ 2.218.491.403

30 tháng 6 năm 2017 21.985.948.854

Giá trị còn lại

31 tháng 12 năm 2016 20.533.554.370

30 tháng 6 năm 2017 18.315.062.967

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

10.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30 tháng 6 năm 2017</u>		<u>31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		398.868.501		3.503.729.901
Cổ phiếu niêm yết	19.589	401.120.064	129.589	3.949.434.564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.251.563)		(445.704.663)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		<u>650.000.000.000</u>		<u>650.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>650.398.868.501</u>		<u>653.503.729.901</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào các công ty con (i)	3.311.874.440.867	1.890.624.803.969
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (ii)	1.089.500.000.000	1.511.005.599.984
TỔNG CỘNG	4.401.374.440.867	3.401.630.403.953
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(47.556.206.528)	(45.651.484.241)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.353.818.234.339	3.355.978.919.712

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam	1.515.440.779.798	51,00	-	-
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An	1.014.939.750.898	65,00	1.014.939.750.898	65,00
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido	375.822.660.171	79,80	470.013.803.071	99,80
Công ty TNHH Tân An Phước	363.000.000.000	80,00	363.000.000.000	80,00
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido	7.500.000.000	100,00	7.500.000.000	100,00
Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội	5.171.250.000	75,73	5.171.250.000	75,73
TỔNG CỘNG	3.311.874.440.867		1.890.624.803.969	

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex"), trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu thực vật, mỡ động, thực vật. Vocarimex có trụ sở chính được đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 32.886.000 cổ phiếu của Vocarimex với tổng giá trị đầu tư là 1.093.935.179.814 VND. Theo đó, Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex từ 24,00% lên 51,00% và Vocarimex từ công ty liên kết trở thành công ty con (Thuyết minh số ii).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("Tường An") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Tường An hiện đang hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các điều chỉnh sau đó. Hoạt động kinh doanh chính của Tường An là sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; và các sản phẩm từ cây có dầu. Tường An có trụ sở chính được đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido ("KDF") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của KDF là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 11.200.000 cổ phần, tương đương 94.191.142.900 VND giá trị đầu tư vào KDF, cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận đăng ký mua cổ phần.

Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309403269 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. Hoạt động chính của TAP là kinh doanh bất động sản.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido ("KIDOFood") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính của KIDOFood là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido ("KTS") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 3 năm 2015. Hoạt động chính của KTS là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội ("HTIC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của HTIC là kinh doanh thương mại các loại đồ ăn và thức uống.

Công ty sử dụng một số cổ phiếu của một vài công ty con làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện tại *Thuyết minh số 16*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn đầu tư		Vốn đầu tư	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	1.087.500.000.000	50,00	1.087.500.000.000	50,00
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	-	-	421.505.599.984	24,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Thịnh	2.000.000.000	34,00	2.000.000.000	34,00
TỔNG CỘNG	1.089.500.000.000		1.511.005.599.984	

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Thịnh ("Phong Thịnh") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0314098268 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2016. Hoạt động chính của Phong Thịnh là kinh doanh bất động sản và xây dựng. Phong Thịnh có trụ sở chính được đăng ký tại số 436 - 438 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Tiền thuê đất trả trước	45.632.970.000	46.196.340.004
Chi phí sửa chữa bảo trì	1.190.038.306	2.455.481.017
Khác	657.147.962	1.253.538.327
TỔNG CỘNG	47.480.156.268	49.905.359.348

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	44.884.862	19.065.314.925
Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VẠC	-	11.981.393.038
Phải trả người bán khác	455.248.795	19.087.663.292
TỔNG CỘNG	500.133.657	50.134.371.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND				
	31 tháng 12 năm 2016		Tăng	Giảm	30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.149.333.949	114.112.043.750	(71.149.996.332)		114.111.381.367
Thuế thu nhập cá nhân	1.623.152.736	6.572.303.390	(7.713.867.561)		481.588.565
Thuế khác	3.845.605.806	-	(3.022.168.536)		823.437.270
TỔNG CỘNG	76.618.092.491	120.684.347.140	(81.886.032.429)		115.416.407.202
Trong đó:					
Thuế phải nộp	76.680.167.741				115.478.482.452
Thuế nộp thừa	(62.075.250)				(62.075.250)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Lãi vay	11.138.194.444	10.458.036.289
Lương tháng 13 và thưởng	6.103.167.303	15.636.352.849
Phí thuê đất	688.050.000	-
Chi phí tiếp thị	468.794.999	5.996.113.910
Phí tư vấn	-	43.199.629.782
Chi phí phải trả khác	510.176.480	2.543.330.088
TỔNG CỘNG	18.908.383.226	77.833.462.918

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Tạm ứng mua cổ phần KDF (Thuyết minh số 29)	140.000.000.000	-
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	107.530.745.759	103.356.133.200
Cổ tức phải trả	4.331.287.920	5.009.331.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.431.748.161	20.518.599.220
TỔNG CỘNG	272.293.781.840	128.884.064.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY

	30 tháng 6 năm 2017	VND 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	-	118.713.093.628
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 16.1)	139.395.942.000	181.395.942.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	197.845.000.000	197.845.000.000
	337.240.942.000	497.954.035.628
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 16.2)	792.707.254.822	791.639.780.822
TỔNG CỘNG	1.129.948.196.822	1.289.593.816.450

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND Vay ngắn hạn	VND Vay dài hạn
31 tháng 12 năm 2016	497.954.035.628	791.639.780.822
Tiền thu từ đi vay	104.040.051.122	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.067.474.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(264.753.144.750)	-
30 tháng 6 năm 2017	337.240.942.000	792.707.254.822

16.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Công ty có khoản vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

Bên cho vay	30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
KDF (Thuyết minh số 26)	139.395.942.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2018	7,0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 ("VIB") Chi phí phát hành trái phiếu	Ngày 18 tháng 11 năm 2016	1.000.000.000.000 (9.447.745.178)
TỔNG CỘNG		<u>990.552.254.822</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		197.845.000.000
Vay dài hạn trái phiếu		792.707.254.822

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VIB đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 8,5%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("VCB"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và VIB cộng với biên độ 2,5%/năm. Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo với tỷ lệ như sau :

- tối thiểu 20% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 40% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 60% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 80% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- giá trị trái phiếu phát hành còn lại vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, trái phiếu này được sở hữu bởi VIB.

Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của một vài công ty con của Công ty (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016							
31 tháng 12 năm 2015	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.958.647.136.362)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.316.409.084.770	5.183.678.049.216
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(831.373.476)	-	-	-	(831.373.476)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	8.872.597.769	8.872.597.769
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(205.661.141.000)	(205.661.141.000)
30 tháng 6 năm 2016	<u>2.566.533.970.000</u>	<u>3.192.083.261.700</u>	<u>(1.959.478.509.838)</u>	<u>51.162.916.267</u>	<u>16.135.952.841</u>	<u>1.119.620.541.539</u>	<u>4.986.058.132.509</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017							
31 tháng 12 năm 2016	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.959.478.509.838)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.782.425.332.495	5.648.862.923.465
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	480.084.285.375	480.084.285.375
30 tháng 6 năm 2017	<u>2.566.533.970.000</u>	<u>3.192.083.261.700</u>	<u>(1.959.478.509.838)</u>	<u>51.162.916.267</u>	<u>16.135.952.841</u>	<u>2.262.509.617.870</u>	<u>6.128.947.208.840</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>2.566.533.970.000</u>	<u>2.566.533.970.000</u>

17.3 Cổ phiếu

	30 tháng 6 năm 2017	Số cổ phiếu 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ	(50.992.256)	(50.992.256)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.141	205.661.141

17.4 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức công bố trong kỳ	-	205.661.141.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	678.043.680	205.674.483.750

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu bán hàng hóa	42.335.197.167	213.264.191.468
Các khoản giảm trừ doanh thu	(903.715)	(2.013.824.544)
Hàng bán bị trả lại	-	(2.013.824.544)
Chiết khấu thương mại	(903.715)	-
DOANH THU THUẦN	<u>42.334.293.452</u>	<u>211.250.366.924</u>
Trong đó:		
Các bên liên quan	11.994.639.187	208.688.849.430
Các bên khác	30.339.654.265	2.561.517.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	689.019.648.348	5.573.724.020
Lãi tiền gửi	46.425.438.701	54.897.409.597
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	624.122.444	2.095.476.985
Cổ tức và lợi nhuận được chia	180.234.500	104.000.000
TỔNG CỘNG	736.249.443.993	62.670.610.602

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.016.480.220	162.487.797.226
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.996.726.992)	-
Khác	922.684.290	20.121.994
TỔNG CỘNG	34.942.437.518	162.507.919.220

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí lãi vay	51.622.174.342	4.744.441.755
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.461.269.187	1.476.840.397
Phân bổ phí phát hành trái phiếu	1.067.474.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.810.437.874
Khác	107.478.660	249.150.805
TỔNG CỘNG	54.258.396.189	8.280.870.831

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương nhân viên	5.274.070.460	6.357.219.023
Quảng cáo và khuyến mãi	4.206.655.899	38.082.006.626
Khác	1.219.068.209	1.641.307.383
TỔNG CỘNG	10.699.794.568	46.080.533.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương nhân viên	27.833.663.862	24.396.394.147
Dịch vụ mua ngoài	23.038.596.850	23.080.641.309
Phí thuê và bảo trì	11.703.022.932	13.163.600.007
Khấu hao và hao mòn (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng các khoản phải thu khó đòi	7.437.363.176 (11.038.078)	7.006.642.691 3.538.315.723
Khác	5.704.526.736	3.228.083.456
TỔNG CỘNG	75.706.135.478	74.413.677.333

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thu nhập khác	5.181.545.546	36.106.809.652
Hoàn nhập tiền thuê đất phải trả cơ quan thuế	3.317.339.376	-
Phạt vi phạm hợp đồng	550.536.000	-
Thu nhập từ cho thuê	453.030.304	1.020.833.333
Hoàn nhập thuế thay đổi mục đích sử dụng đất phải trả	-	34.594.000.000
Thu nhập khác	860.639.866	491.976.319
Chi phí khác	(2.313.973.350)	(2.430.075.290)
Chi phí thuê đất không sử dụng cho hoạt động kinh doanh	(1.746.324.264)	-
Tiền phạt	-	(2.101.467.377)
Chi phí khác	(567.649.086)	(328.607.913)
LỢI NHUẬN KHÁC	2.867.572.196	33.676.734.362

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí mua hàng hóa	40.939.164.510	162.507.919.220
Chi phí nhân công	33.072.734.322	30.743.710.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.358.014.653	65.172.277.138
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	7.547.279.375	7.089.979.424
Khác	7.441.534.474	17.488.243.777
TỔNG CỘNG	121.358.727.334	283.002.129.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	114.112.043.750	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.648.216.763	7.442.113.703
TỔNG CỘNG	125.760.260.513	7.442.113.703

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	605.844.545.888	16.314.711.472
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	121.168.909.178	3.262.942.294
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	4.626.735.852	3.727.812.064
Cổ tức nhận được	(36.046.900)	(20.800.000)
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	-	472.159.345
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ	125.759.598.130	7.442.113.703
Thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	662.383	-
Chi phí thuế TNDN	125.760.260.513	7.442.113.703

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Các khoản chi phí phải trả	2.423.433.185	12.637.878.586	(10.214.445.401)	(7.738.230.170)
Dự phòng các khoản đầu tư	2.487.158.254	2.487.158.254	-	286.431.839
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	822.747.100	932.827.800	(110.080.700)	(1.460.000)
Các khoản khác	92.885.995	1.416.576.657	(1.323.690.662)	11.144.628
TỔNG CỘNG	7.426.224.534	19.074.441.297	(11.648.216.763)	(7.442.113.703)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
VDS	Công ty liên quan	Thu hồi tạm ứng Phí giao dịch chứng khoán Tạm ứng để đầu tư	1.006.439.769.000 7.288.834.107 -	- 670.188.916 60.000.000.000
KDF	Công ty con	Trả nợ vay Lãi vay Phí thuê văn phòng Phí dịch vụ khác Vay	42.000.000.000 5.045.573.848 818.018.460 215.253.000 -	- - 758.986.200 - 20.000.000.000
KIDOFood	Công ty con	Bán hàng hóa, công cụ và dụng cụ	5.617.460.992	208.627.595.146
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Bán hàng hóa Mua hàng hóa và nguyên vật liệu Phí gia công	5.019.294.821 850.647.300 347.788.340	- 92.487.415.770 1.946.252.840
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")	Công ty liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	113.542.974 -	- 32.318.969.446
Tường An	Công ty con	Mua hàng hóa Phí thuê văn phòng Phí dịch vụ Bán hàng hóa	23.015.527.290 2.537.271.000 2.087.176.414 1.240.158.600	- - - -
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng	893.939.394	2.227.272.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
KIDOFood	Công ty con	Bán hàng hóa	327.062.142.340	327.625.475.329
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Bán hàng hóa	1.934.311.677	3.423.419
KDF	Công ty con	Bán hàng hóa	-	144.907.617
GHC	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu	-	560.020
			328.996.454.017	327.774.366.385
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật	Công ty liên quan	Tạm ứng mua tài sản cố định	20.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác				
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư	215.638.400.000	1.222.639.391.000
KDF	Công ty con	Phí thuê văn phòng	379.809.342	-
KDL	Công ty liên quan	Phí thuê văn phòng	340.909.091	-
			216.359.118.433	1.222.639.391.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn				
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	23.040.072	14.425.136.152
Tường An	Công ty con	Mua hàng hóa	18.216.000	4.611.314.840
KIDOFood	Công ty con	Mua hàng hóa	3.628.790	27.106.801
GHC	Công ty liên quan	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	-	1.757.132
			44.884.862	19.065.314.925
Phải trả ngắn hạn khác				
TAP	Công ty con	Giữ hộ vốn góp	100.000.000.000	100.000.000.000
KDF	Công ty con	Lãi vay	7.530.745.759	3.356.133.200
			107.530.745.759	103.356.133.200
Vay				
KDF	Công ty con	Vay ngắn hạn	139.395.942.000	181.395.942.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và các lợi ích khác	11.532.000.000	9.269.530.000

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	31.747.853.210	30.961.492.812
Từ 1 đến 5 năm	125.363.212.398	125.916.048.192
Trên 5 năm	43.715.833.995	57.148.390.018
TỔNG CỘNG	200.826.899.603	214.025.931.022

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết với số tiền 244.500.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và khoản đầu tư vào đơn vị khác.

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	59.563	59.588
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	11.029.828.811	11.029.828.811

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

a. Công bố cổ tức

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2017 vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo mức 16% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông, tức là 1.600 VND/cổ phiếu. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 829/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận kế hoạch chi trả cổ tức này vào ngày 7 tháng 8 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

b. Chuyển nhượng cổ phần KDF cho nhân viên

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số KDC07/2017/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc bán 5.600.000 cổ phiếu của KDF cho cán bộ công nhân viên với số tiền đã nhận là 140.000.000.000 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần và cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cá nhân này.

c. Cổ tức nhận được từ Tường An

Theo Nghị quyết ĐHCĐTN năm 2017 của Tường An vào ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Tường An trong năm 2016 tại mức 16% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông, tức là 1.600 VND/cổ phiếu. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2017, Tường An đã nhận được Thông báo số 826/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận kế hoạch chi trả cổ tức này vào ngày 25 tháng 8 năm 2017.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 5, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


Trần Minh Nguyệt
Người lập


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng


Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Số: 1408/2017/CV-KDC

TpHCM, ngày 14 tháng 08 năm 2017

(V/v giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC Quý 2/2017 do đơn vị lập và BCTC được soát xét)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM

Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO xin giải trình về chênh lệch giữa BCTC Quý 2/2017 do đơn vị lập và BCTC Quý 2/2017 được soát xét như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại 30/06/2017 do công ty lập	Số liệu tại 30/06/2017 được soát xét	Chênh lệch	% Chênh lệch
Lợi nhuận từ công ty liên kết	24	27.295.577.380	39.165.999.593	11.870.422.213	30,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	170.333.118.666	159.921.319.642	(10.411.799.024)	-6,5%
Thu nhập khác	31	4.796.910.484	6.746.962.194	1.950.051.710	28,9%
Chi phí khác	32	4.310.723.247	2.593.901.590	(1.716.821.657)	-66,2%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	5.622.039.676	8.768.361.581	3.146.321.905	35,9%

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận từ công ty liên kết: Do tại thời điểm công ty tự lập báo cáo tài chính lợi nhuận từ công ty liên kết là lợi nhuận tạm tính và chưa được soát xét.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phân loại lại chi phí khấu hao để phù hợp với chuẩn mực kế toán theo ý kiến của Kiểm toán viên.
- Thu nhập khác: Do điều chỉnh giảm chi phí thuê đất theo thông báo của Cục thuế.
- Chi phí khác: Do điều chỉnh giảm chi phí thuê đất theo thông báo của Cục thuế.
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại: Chênh lệch là do tính toán lại thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tại thời điểm công ty tự lập báo cáo tài chính chưa có cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại).

2. Báo cáo tài chính công ty mẹ

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại 30/06/2017 do công ty lập	Số liệu tại 30/06/2017 được soát xét	Chênh lệch	% Chênh lệch
Thu nhập khác	31	1.874.565.940	5.181.545.546	3.306.979.606	63.8%
Chi phí khác	32	3.972.643.001	2.313.973.350	(1.658.669.651)	-71.7%

Nguyên nhân:

- Thu nhập khác: Do điều chỉnh giảm chi phí thuê đất theo thông báo của Cục thuế.
- Chi phí khác: Do điều chỉnh giảm chi phí thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

3. Chỉ tiêu trên Bảng lưu chuyển tiền tệ

Nguyên nhân: do thay đổi theo điều chỉnh của Kiểm toán viên

Trên đây là ý kiến giải trình của công ty chúng tôi về một vài số liệu thay đổi tại BCTC Quý 2/2017 do Công ty lập và BCTC Quý 2/2017 đã được soát xét.

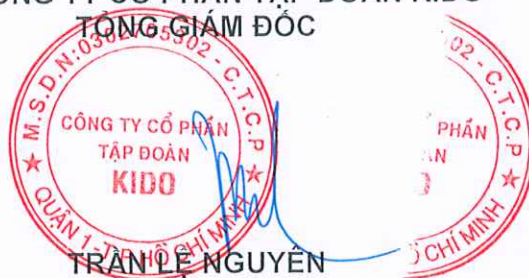
Trân trọng kính chào.

Nơi Nhận:

- Như trên
- Lưu P. Tài Chính

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN LÊ NGUYỄN